

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thông	3771020060	08/09/1995	3,00	,30	1,10	
2	Lê Việt	Trà	3771020065	28/05/1995	3,50	,00	1,10	
3	Lê Phi	Kỳ	3771020073	16/02/1995	3,00	4,00	3,70	
4	Nguyễn Khánh	Giàu	3771020122	19/03/1994	4,00	,00	1,20	
5	Nguyễn Duy	Linh	3771020161	25/06/1995	5,50	,30	1,90	
6	Nguyễn Hoài	Long	3771020212	18/03/1995	5,50	4,30	4,70	
7	Trần Quốc	Hải	3771020215	20/11/1994	5,00	6,00	5,70	
8	Phạm Quý Nhật	Hoàng	3771020218	22/12/1994	3,50	4,80	4,40	
9	Lê Anh	Tuấn	3771020265	16/11/1995	4,00	2,30	2,80	
10	Phan Ngọc	Vinh	3771020268	15/05/1995	3,50	,00	1,10	
11	Lê Đình Ngọc	Cần	3771020299	20/06/1995	4,00	,00	1,20	
12	Lê Tiến	Đạt	3771020325	29/06/1994	4,00	1,80	2,50	
13	Nguyễn Chí	Thiện	3771020386	02/11/1995	3,00	,00	,90	
14	Trần Duy	Trung	3771020390	27/03/1993	3,50	5,80	5,10	
15	Hứa Sơn	Tùng	3771020437	16/12/1995	3,50	2,00	2,50	
16	Đặng Nhứt	Khoa	3771020722	24/08/1995	3,50	,00	1,10	
17	Trần Văn	Thơ	3771020760	09/08/1993	3,00	6,30	5,30	
18	Nguyễn Thế	Phong	3771020816	24/01/1995	2,00	5,80	4,70	
19	Võ Anh	Kiệt	3771020832	16/01/1995	4,50	5,80	5,40	
20	Đặng Minh	Sang	3771020839	01/05/1995	2,50	,30	1,00	
21	Vũ Trọng	Đạt	3771020891	22/07/1995	3,50	4,30	4,10	
22	Phan Thị Thanh	Tuyền	3771020909	06/04/1995	5,00	3,00	3,60	
23	Nguyễn Thanh	Vương	3771020920	26/03/1994	7,50	4,30	5,30	
24	Nguyễn Tấn	Vinh	3771021371	23/04/1994	6,00	5,00	5,30	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)